

Bản án số: 96/2024/DS - PT

Ngày 24 - 6 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Văn Hùng

**Các Thẩm phán:** Bà Ngô Thị Kim Châu

Ông Huỳnh Đức Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Thông báo số: 29/TB – TA ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc dời phiên tòa giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ. Tạm trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn T: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số C T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ hiện nay: Số E, T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, theo văn bản ủy quyền ngày 18/5/2023 (có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Phụng L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Châu Tấn B, sinh năm 1981. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ô, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Thanh P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Do quen biết và là bạn bè nên anh Nguyễn Văn T có cho anh Nguyễn Phụng L vay tiền, cụ thể như sau:

- Lần 01: Vào ngày 13/01/2018, anh L vay 613.000.000 đồng;

- Lần 02: Vào ngày 02/5/2019, anh L tiếp tục hỏi vay 200.000.000 đồng, số tiền này anh T chuyển khoản trực tiếp cho anh Châu Tấn B.

Tổng cộng anh T cho anh L vay số tiền 813.000.000 đồng, việc vay tiền này anh T có làm biên bản ghi nhớ về việc vay tiền và anh L có ký tên. Mục đích của việc vay tiền là để mua xe, đáo hạn ngân hàng. Hai bên không có thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời gian trả nợ như trong biên bản ghi nhớ.

Anh Nguyễn Phụng L1 có cho anh Châu Tấn B vay 1.000.000.000 đồng, trong đó 187.000.000 đồng là tiền của anh L1; 813.000.000 đồng là tiền anh L1 vay của anh T. Khi đến hạn thanh toán cho anh T, anh L1 không thực hiện mà cho rằng vay tiền về cho anh Châu Tấn B vay lại do anh B không trả được nợ nên anh L1 không có tiền trả cho anh T.

Vào tháng 02/2020, anh T thừa nhận anh T có nhận số tiền 80.000.000 đồng từ anh Châu Tấn B1 trả, anh B1 đưa cho anh L1 20.000.000 đồng. Đến ngày 08/7/2020, anh T có lập văn bản thỏa thuận anh B1 có thiếu anh T số tiền vay 900.000.000 đồng, văn bản ngày 08/7/2020 là do anh T tự soạn thảo. Lý do anh T lập văn bản thỏa thuận ngày 08/7/2020 là do anh L1 không thu được nợ nên anh T thu nợ hộ anh L1. Do anh T là người thu hộ tiền dùm cho anh L1 nhưng anh B1 thực hiện không đúng nên anh T yêu cầu anh L1 là người vay nợ ban đầu phải có trách nhiệm trả nợ cho anh và anh B1 có nghĩa vụ trả nợ cho anh L1. Vì vậy, nay anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Phụng L có trách nhiệm trả cho anh T số tiền vay còn nợ bằng 813.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Anh T không đồng ý trừ ra số tiền 80.000.000 đồng đã nhận từ anh B1 nếu như anh L đồng ý trả nợ cho anh T thì anh T đồng ý cân trừ lại số tiền này.

*Theo lời khai của bị đơn anh Nguyễn Phụng L và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thành L2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Anh Nguyễn Phụng L thừa nhận vào ngày 13/01/2018, anh L có vay của anh Nguyễn Văn T số tiền 613.000.000 đồng; ngày 02/5/2019, anh L vay tiếp anh T

số tiền 200.000.000 đồng nhưng số tiền này anh T chuyển khoản trực tiếp qua cho anh Châu Tấn B. Tổng cộng 02 khoản vay là 813.000.000 đồng, việc vay tiền này hai bên có làm biên bản do anh T lập và anh L có ký tên, không có thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời gian trả nợ như trong biên bản đã ghi. Số tiền vay được, anh L cho anh Châu Tấn B vay lại để lấy lời với số tiền tổng cộng 1.000.000.000 đồng, trong đó tiền của anh L 187.000.000 đồng, 813.000.000 đồng là tiền vay của anh Nguyễn Văn T.

Khi vay tiền của anh L, anh B không trả được nợ cho anh L và anh L cũng không trả được nợ cho anh T, do anh L đòi tiền anh B nhiều lần không được nên anh T mới đồng ý số tiền anh B nợ anh L tổng cộng 1.000.000.000 đồng thì anh B có nghĩa vụ trả cho anh T xem như anh L không có nghĩa vụ trả nợ cho anh T và anh B không có nghĩa vụ gì với anh L. Sự việc này anh B, anh T cũng đồng ý, sau đó anh B có gửi trả cho anh T được số tiền 100.000.000 đồng còn nợ lại 900.000.000 đồng; anh B với anh T có thỏa thuận xác nhận công nợ vào ngày 08/7/2020, anh T hứa sẽ trả lại cho anh L 02 văn bản thỏa thuận nợ đối với số tiền 813.000.000 đồng nhưng đến nay anh T vẫn chưa trả cho anh L mà khởi kiện anh L. Đối với số tiền 20.000.000 đồng anh T cho rằng anh L có nhận từ anh B là không có.

Nay anh Nguyễn Văn T khởi kiện anh Nguyễn Phụng L để đòi số tiền 813.000.000 đồng thì anh L không đồng ý mà anh Châu Tấn B có trách nhiệm trả cho anh T. Phần tiền còn lại 187.000.000 đồng mà anh B nợ anh L và thỏa thuận trả cho anh T thì để anh L yêu cầu giải quyết sau không yêu cầu trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Châu Tấn B:* Không có văn bản nêu ý kiến và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu anh Nguyễn Phụng L trả số tiền vay còn nợ bằng 813.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn ông Nguyễn P1 Lắm trả cho ông số tiền 813.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên không rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên đơn kháng cáo của nguyên đơn.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Theo anh Nguyễn Phụng L, anh Châu Tấn B khai, anh B nợ anh L số tiền 1.000.000.000 đồng; anh L nợ anh Nguyễn Văn T số tiền 813.000.000 đồng. Do anh B không có khả năng trả cho anh L nên giữa anh L, anh B với anh T thỏa thuận số tiền anh B nợ anh L 1.000.000.000 đồng, anh B có nghĩa vụ trả cho anh T, anh B không còn nợ anh L. Sau đó anh B có trả cho anh T được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 900.000.000 đồng nên vào ngày 08/7/2020 anh T lập Tờ thỏa thuận biên bản ghi nhớ về xác nhận công nợ và thanh toán thể hiện anh B còn nợ anh T số tiền 900.000.000 đồng. Anh Lâm Sa P2 cũng có lời khai chứng kiến việc thỏa thuận chuyển giao nợ giữa anh L3, anh B với anh T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2020, anh T cũng cho rằng số tiền 900.000.000 đồng là anh B thiếu anh T và anh T có lập Tờ thỏa thuận biên bản ghi nhớ về xác nhận công nợ và thanh toán ngày 08/7/2020. Từ đó cho thấy, có đủ cơ sở khẳng định có sự việc chuyển giao nợ giữa anh L, anh B với anh T. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Phụng L vắng mặt; anh Châu Tấn B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng đương sự nêu trên. Đối với anh Trần Thanh P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia phiên tòa từ khi khai mạc phiên tòa đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa; khi Hội đồng xét xử trở lại phòng xét xử để tuyên bản án thì anh Trần Thanh P không có mặt, Hội đồng xét xử tuyên án vắng anh Trần Thanh P.

[2] Vào ngày 13/01/2018, anh Nguyễn Phụng L có vay của anh Nguyễn Văn T số tiền 613.000.000 đồng; ngày 02/5/2019 anh L vay tiếp của anh T số tiền 200.000.000 đồng. Việc này anh L, anh T đều thừa nhận nên đây là những tình tiết không cần phải chứng minh. Sau khi vay của anh T số tiền 813.000.000 đồng thì anh L cho anh Châu Tấn B vay số tiền 1.000.000.000 đồng (trong đó số tiền vay từ anh T là 813.000.000 đồng, số tiền còn lại của anh L). Theo anh L cho rằng do anh B không trả được tiền vay cho anh L, anh L không có tiền trả cho anh T

nên giữa anh T, anh L, anh B thống nhất thỏa thuận số tiền 1.000.000.000 đồng anh B nợ anh L chuyển sang anh B nợ anh T. Sau đó anh B có gửi trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng (*anh T chỉ thừa nhận có nhận 80.000.000 đồng*), số tiền còn lại 900.000.000 đồng thì anh T với anh B có làm thỏa thuận xác nhận công nợ vào ngày 08/7/2020 là anh B còn nợ ông T số tiền 900.000.000 đồng. Còn anh T cho rằng lý do anh T lập văn bản thỏa thuận ngày 08/7/2020 với nội dung anh B còn nợ anh T số tiền 900.000.000 đồng là do anh L không thu được nợ nên anh T lập Tờ thỏa thuận này thu nợ dùm anh L chứ không có việc thỏa thuận chuyển nợ từ anh B thiếu anh L sang anh B thiếu anh T.

[3] Tại Tờ thỏa thuận biên bản ghi nhớ về xác nhận công nợ và thanh toán ngày 08/7/2020 thể hiện nội dung anh B nợ anh T số tiền 900.000.000 đồng và anh B có nghĩa trả nợ từ ngày 30/6/2020 đến ngày 30/12/2024 (Bl 43 -44, 48 - 49). Tại biên bản xác minh ngày 20/02/2023, anh Lâm Sa P2 khai: Anh có chứng kiến việc thỏa thuận chuyển giao nợ giữa anh T với anh L, anh B, lúc đó có mặt 04 người gồm anh, anh T, anh L, anh B; giữa anh T, anh L, anh B thỏa thuận với nhau là tiền anh L nợ anh T sẽ gạt nợ qua cho anh B trả thay anh L, anh L không còn nợ anh T nữa (BL 69a -69b). Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2020 (*trong vụ án trước đây thụ lý số: 135/2020/TLST – DS ngày 19/10/2020 của TAND huyện Tiểu Cần*), anh T cũng cho rằng số tiền 900.000.000 đồng là anh B thiếu anh T và anh T có lập Tờ thỏa thuận biên bản ghi nhớ về xác nhận công nợ và thanh toán ngày 08/7/2020 (BL 61). Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/11/2020 (*trong vụ án trước đây thụ lý số: 135/2020/TLST – DS ngày 19/10/2020 của TAND huyện Tiểu Cần*) và biên bản tự khai ngày 12/11/2020 anh B cũng thừa nhận giữa anh với anh T, anh L thỏa thuận số tiền anh còn thiếu anh L 900.000.000 đồng chuyển sang anh thiếu anh T và có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh (BL 62 - 65). Từ những chứng cứ trên cho thấy có sự việc giữa anh T, anh B, anh L thỏa thuận chuyển giao nợ từ việc anh B thiếu anh L số tiền 900.000.000 đồng sang anh B thiếu anh T số tiền 900.000.000 đồng. Ngoài ra sự việc anh T thừa nhận có nhận của anh B số tiền 80.000.000 đồng nhưng anh T không giao lại cho anh L số tiền này càng khẳng định có sự việc thỏa thuận chuyển giao nợ trên, vì nếu anh T chỉ thu nợ dùm anh L thì sau khi nhận tiền từ anh B thì anh T phải giao lại số tiền này cho anh L.

[4] Từ những chứng cứ và phân tích trên [1], [2], Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của anh Nguyễn Văn T là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 213/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng Điều 238 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc yêu cầu anh Nguyễn Phụng L trả số tiền vay còn nợ bằng 813.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 36.390.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.195.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002526, ngày 24/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 18.195.000 đồng.

Anh Nguyễn Phụng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0017218 ngày 29/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, anh T không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC  
THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Hùng**